

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Tên học phần: LOGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG (General Logic)**

- Mã số học phần: ML007
- Số tín chỉ học phần: 2 tín chỉ
- Số tiết học phần: 30 tiết lý thuyết

**2. Đơn vị phụ trách học phần:**

- Bộ môn: Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin
- Khoa: Khoa học Chính trị

**3. Điều kiện:**

- Điều kiện tiên quyết: Không

**4. Mục tiêu của học phần:**

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu	CĐR CTĐT
4.1	Kiến thức về các quy luật và hình thức cơ bản của tư duy logic hình thức	2.1.2c
4.2	Vận dụng thành thạo các quy luật và các quy tắc của hình thức của tư duy để có được tư duy đúng	2.2.1a,d
4.3	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và phản biện	2.2.2a,b
4.4	Tôn trọng và bảo vệ tri thức khách quan	2.3b,c

**5. Chuẩn đầu ra của học phần:**

CĐR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CĐR CTĐT
	<b>Kiến thức</b>		
CO1	Hiểu, biết được các quy luật cơ bản của tư duy logic, nguồn gốc, bản chất, đặc điểm và quan hệ của các khái niệm, phán đoán và suy luận	4.1	2.1.2c
CO2	Biết các hình thức và các quan hệ của khái niệm, phán đoán và suy luận.	4.1	2.1.2c
CO3	Biết được giá trị của phán đoán phức và các yêu cầu để xây dựng khái niệm chính xác và những quy tắc để có được suy luận đúng	4.1	2.1.2c
CO4	Nắm vững những yêu cầu của các thao tác giả thuyết, chứng minh, bác bỏ và ngụ biện	4.1	2.1.2c
	<b>Kỹ năng</b>		
CO5	Sử dụng thành thạo các quy luật và các hình thức logic của tư duy để có được tư duy đúng và độc lập	4.2	2.2.1a,d

CDR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CDR CTĐT
CO6	Phân tích, tổng hợp, phát hiện và giải quyết vấn đề	4.2	2.2.1a,d
CO7	Giao tiếp, thuyết trình, phản biện và sử dụng ngôn ngữ	4.3	2.2.2a,b
	<b>Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b>		
CO8	Tôn trọng tri thức, trung thực, tìm tòi, ham học hỏi	4.4	2.3b,c

• Ghi chú: Cột “CDR CTĐT” dựa trên các tiêu chuẩn đã đề ra của chương trình đào tạo của ngành Triết học (Philosophy); Mã ngành: 7229001.

## 6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện.

## 7. Cấu trúc nội dung học phần:

### 7.1. Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	CDR HP
<b>Chương 1.</b>	<b>ĐỐI TƯỢNG, LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ Ý NGHĨA CỦA LOGIC HỌC</b>	<b>3</b>	
1.1.	Thuật ngữ Logic		CO1
1.2.	Logic học là gì ?		CO8
1.3.	Đối tượng nghiên cứu của Logic học		CO1; CO8
1.4.	Logic hình thức và Logic biện chứng		CO1
1.5.	Lịch sử phát triển của Logic học		CO1
1.6.	Ý nghĩa của việc nghiên cứu Logic học		CO8
<b>Chương 2.</b>	<b>KHÁI NIỆM</b>	<b>7</b>	
2.1.	Khái niệm là gì?		CO1; CO2
2.2.	Hình thức ngôn ngữ biểu thị khái niệm		CO2;CO7
2.3.	Kết cấu logic của khái niệm		CO2; CO3
2.4.	Quan hệ giữa nội hàm và ngoại diên của khái niệm		CO1; CO2
2.5.	Các loại khái niệm		CO2
2.6.	Quan hệ giữa các khái niệm		CO2
2.7.	Các quy tắc xử lý khái niệm		CO3;CO5;CO7;CO8
<b>Chương 3</b>	<b>PHÁN ĐOÁN</b>	<b>5</b>	
3.1.	Phán đoán là gì?		CO1;CO2;CO3
3.2.	Phán đoán và câu		CO1;CO2
3.3.	Phân loại phán đoán		CO2;CO3; CO8
<b>Chương 4</b>	<b>SUY LUẬN</b>	<b>8</b>	
4.1	Suy luận là gì ?		CO1; CO2
4.2	Kết cấu logic của suy luận		CO5;CO6
4.3	Phân loại suy luận		CO3;CO6;CO7;CO8
<b>Chương 5.</b>	<b>GIẢ THUYẾT, CHỨNG MINH VÀ BÁC BỎ</b>	<b>3</b>	



	Nội dung	Số tiết	CĐR HP
5.1	Giả thuyết		CO4; CO6; CO8
5.2	Chứng minh		CO4; CO6; CO8
5.3	Bác bỏ		CO4; CO6; CO8
<b>Chương 6.</b>	<b>CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA TƯ DUY</b>	<b>4</b>	
6.1.	Quy luật đồng nhất.		CO1;CO5;CO7;CO8
6.2.	Quy luật phi mâu thuẫn.		CO1;CO5;CO7;CO8
6.3.	Quy luật gạt bỏ cái thứ ba.		CO1;CO5;CO7;CO8
6.4.	Quy luật lý do đầy đủ.		CO1;CO5;CO7;CO8

### 8. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp chủ yếu thuyết trình kết hợp với thảo luận nhóm, báo cáo cá nhân và nhóm, trải nghiệm...

### 9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Chủ động nghiên cứu giáo trình và các tài liệu tham khảo
- Tham gia tích cực trong các tình huống đặc ra và chủ động đưa ra chính kiến
- Thực hiện đầy đủ các bài báo cáo nhóm và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

### 10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

#### 10.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	CĐR HP
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học 26/tổng số 30 tiết	10%	CO1; CO8..
2	Điểm bài tập	Chủ động tham gia đóng góp vào bài học làm bài cá nhân và bài báo cáo nhóm	10%	CO5; CO7
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Thi viết/trắc nghiệm (30 phút)	20%	CO3; CO5
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết/trắc nghiệm (60 phút) - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và - Bắt buộc dự thi	60%	CO1; CO3; CO5; CO6

#### 10.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

## 11. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Lê Ngọc Triết, <i>Giáo trình logic học đại cương</i> . Trường Đại học Cần Thơ, 2005.	160 / Tr308 MOL000937
[2] Nguyễn Như Hải, <i>Giáo trình logic học đại cương</i> , Nxb. Đại học Sư phạm, 2014.	160 / H103 MOL.072734
[3] Vương Tất Đạt, <i>Logic học đại cương</i> , Nxb. Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2008.	160 / Đ110 MOL.078943
[4] Lê Doãn Tá, <i>Giáo trình logic học</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, 2004.	160 / T100 MOL.006022
[5] Hoàng Chung, <i>Logic học phổ thông</i> , Nxb. Giáo dục, 1997.	MOL.077256

## 12. Hướng dẫn sinh viên tự học:

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1 2	<b>Chương 1: Đối tượng, lịch sử phát triển và ý nghĩa của logic học</b> 1.1. Thuật ngữ Logic. 1.2. Logic học là gì ? 1.3. Đối tượng nghiên cứu của Logic học. 1.4. Logic hình thức và Logic biện chứng. 1.5. Lịch sử phát triển của Logic học. 1.6. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Logic học.	3	0	-Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 1.1 đến 1.6, Chương 1  +Tra cứu nội dung Chương 1 ở các tài liệu [2], [3], [6] [4]  + Đọc thêm chương 2 tài liệu [4]
2 3 4 5	<b>Chương 2: Khái niệm</b> 2.1. Khái niệm là gì? 2.2. Hình thức ngôn ngữ biểu thị khái niệm. 2.3. Kết cấu logic của khái niệm. 2.4. Quan hệ giữa nội hàm và ngoại diên của khái niệm. 2.5. Các loại khái niệm. 2.6. Quan hệ giữa các khái niệm. 2.7. Các phép logic xử lý khái niệm.	7	0	-Nghiên cứu trước: + Tài liệu (TL) [1]: Nội dung từ 2.1 đến 2.7  + Tra cứu chương 2 các tài liệu [2], [3], chương 3 của tài liệu [4], chương 4 của TL [6], phụ lục 1 của TL [5].  + Làm các bài tập 1, 2 trong Phần bài tập của TL [1].
6 7 8	<b>Chương 3: Phán đoán</b> 3.1. Phán đoán là gì? 3.2. Phán đoán và câu. 3.3. Phân loại phán đoán	5	0	-Nghiên cứu trước: + Tài liệu (TL) [1]: Nội dung từ 3.1 đến 2.3  + Tra cứu chương 3 các tài liệu [2], [3];



				chương 4 của tài liệu [4]; chương 5 của TL [6]; chương 1 của TL [5]. + Làm các bài tập 3, 4, 5, 6, 7 trong Phần bài tập của TL [1]. + Làm thêm bài tập ở chương 1 của TL [5]
8 9 10 11 12	<b>Chương 4: Suy Luận</b> 4.1 Suy luận là gì ? 4.2 Kết cấu logic của suy luận. 4.3 Phân loại suy luận.	8	0	-Nghiên cứu trước: + Tài liệu (TL) [1]: Nội dung từ 4.1 đến 4.3 + Tra cứu chương 4 các tài liệu [2]; chương 5 của TL [3]; chương 6 của tài liệu [4]; chương 6, 7, 8, 9, 10, 11 của TL [6], chương 2 của TL [5]. + Làm các bài tập 8, 9, 10, 11 trong Phần bài tập của TL [1]. + Làm thêm bài tập ở chương 2 của TL [5]
12 13 14	<b>Chương 5. Giả thuyết, chứng minh và bác bỏ</b> 5.1 Giả thuyết. 5.2 Chứng minh 5.3 Bác bỏ	4	0	-Nghiên cứu trước: + Tài liệu (TL) [1]: Nội dung từ 5.1 đến 3.3 + Tra cứu chương 7, 8 các tài liệu [3], [4]; chương 12, 13, 14 của TL [6].
14 15	<b>Chương 6 . Các quy luật cơ bản của tư duy</b> 6.1. Quy luật đồng nhất. 6.2. Quy luật phi mâu thuẫn. 6.3. Quy luật gạt bỏ cái thứ ba. 6.4. Quy luật lý do đầy đủ.	3		-Nghiên cứu trước: + Tài liệu (TL) [1]: Nội dung từ 6.1 đến 4.4. + Tra cứu chương 4 các tài liệu [3]; chương 5 của tài liệu [4]; chương 3 của TL [6].

Cần Thơ, ngày 20 tháng 8 năm 2019

TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



Lê Ngọc Triết

*Phan Văn Phúc*